TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **45**/2024/QĐST-DS	*Hàm Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1980 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1980; Cùng nơi cư trú: Thôn 1A T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Bùi Xuân Q, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn 1A T, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả tiền: Ông Bùi Xuân Q có nghĩa vụ trả cho ông Trần Mạnh T và bà Vũ Thị N tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 204.104.000đ (Hai trăn linh bốn triệu, một trăm linh bốn nghìn đồng). Chia ra:

+ Ông Bùi Xuân Q có nghĩa vụ trả cho ông Trần Mạnh T số tiền là 102.052.000đ *(Một trăm linh hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn đồng).*

+ Ông Bùi Xuân Q có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị N số tiền là 102.052.000đ *(Một trăm linh hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn đồng).*

Khoản tiền phải trả trên, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và ông Trần Mạnh T, bà Vũ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Xuân Q chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. *Về án phí:*

+ Ông Trần Mạnh T và bà Vũ Thị N mỗi người phải chịu 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền án phí ông T và bà N phải chịu là 3.400.000đ *(Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T và bà N đã nộp là 5.347.500đ *(Năm triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000414 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho ông Trần Mạnh T và bà Vũ Thị N số tiền chênh lệch là 1.947.500đ (*Một triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

+ Ông Bùi Xuân Q phải chịu 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng